TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-10-2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Ngọc Lan

2. Ông Khổng Đăng Hải

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Việt Dũng - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa***: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hán Thị H - sinh năm 1981;
Nơi ĐKNKTT: Khu 6, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ;
Chỗ ở hiện nay: Khu 4, xã D, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D - sinh năm 1968
Địa chỉ: Khu 6, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo tại Toà án, chị Hán Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn ngày 11/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu 6, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tính cách, nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở khu 4, xã D, huyện T, tỉnh Phú Thọ sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đều không có.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần anh Nguyễn Văn D có mặt tại Trụ sở Tòa án để giải quyết việc chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh Dđều vắng mặt không lý do mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập và các thông báo hợp lệ. Như vậy, anh D cố tình lẩn tránh, không hợp tác với Tòa án nên không có bản tự khai của anh D và Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội.

-Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hán Thị H và đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Hán Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Không có.

-Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H trình bày không có không đề nghị giải quyết. Do anh D vắng mặt nên các quan hệ này không biết có hay không cần tách ra, khi nào có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hán Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các Dsự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị Hán Thị H và anh Nguyễn Văn D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các Dsự có nơi cư trú tại xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh D không có mặt tại Trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, anh D cố tình lẩn tránh, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, anh D không có bản tự khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 14/10/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ

khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn D đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hán Thị H và anh Nguyễn Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ vào ngày 11/7/2012 đó là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tH phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tính cách. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở khu 4, xã D, huyện T, tỉnh Phú Thọ ở từ cuối năm 2016, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh D. Qua xác minh của chính quyền địa phương nơi chị H, anh D sinh sống thì vợ chồng sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, khó có thể hàn gắn được.Hội đồng xét xử nhận thấy, chị H và anh D đã ly thân, chấm dứt quan hệ, không quan tâm đến nhau. Như vậy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H xin ly hôn anh D là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, anh D cố tình vắng mặt, không có bản tự khai nên các quan hệ trên không biết có hay không. Do đó, các quan hệ này được tách ra khi nào có yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Hán Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử: Cho chị Hán Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2.Về án phí: Chị Hán Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002306 ngày 13/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P. Chị Hán Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có mặt có quyền kháng cáo, anh D vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND thị xã,
- Dsự;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã Phú Hộ;
- Lưu hồ sơ (2bản);
- Lưu văn phòng

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thu Hiền